

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thân.
- Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phan Hoàng Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị B, sinh năm 1962; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Y, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 20/5/2024) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị B trình bày:**

Ngày 18/9/2023 âm lịch, bà B cho bà Y vay số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng, hạn trả là cuối năm 2023 âm lịch, mục đích vay để buôn bán tạp hóa. Khi vay, hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 1%/tháng (600.000 đồng/tháng) và bà Y trả tiền lãi cho bà B được 05 tháng, gồm: tháng 10, 11, 12/2023 âm lịch và tháng 01, 02/2024 âm lịch, với tổng số tiền là 3.000.000 đồng (600.000 đồng/tháng x 05 tháng) thì ngưng không trả nữa. Bà Y có ký nhận nợ vào “Giấy mượn tiền” ngày 18/9/2023 âm lịch cho bà B. Đến hạn, bà Y không trả tiền gốc cho bà B. Nay bà B yêu cầu bà Y trả số tiền gốc 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – bà Lê Thị Y trình bày:***

Bà Y thừa nhận ngày 18/9/2023 âm lịch bà Y có vay của bà B số tiền gốc 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) trong thời hạn 03 tháng để buôn bán tạp hóa, có giấy nợ như bà B trình bày.

Khi vay, hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 8%/tháng và bà Y đã trả tiền lãi cho bà B được 05 tháng, gồm: tháng 10, 11, 12/2023 âm lịch và tháng 01, 02/2024 âm lịch thì ngưng không trả nữa, mỗi tháng trả 4.800.000 đồng tiền lãi, riêng tháng 02/2024 chỉ trả 2.400.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà bà Y đã trả cho bà B là 21.600.000 đồng. Do công việc buôn bán khó khăn nên bà Y không có khả năng thanh toán nợ đúng hạn cho bà B. Nay bà Y đồng ý trả cho bà B số tiền gốc 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) nhưng yêu cầu Tòa án xem xét tính lại tiền lãi đã trả và khấu trừ vào nợ gốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Y là chị Nguyễn Thị Thu T không có lời trình bày và không tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa.

**** Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 117, 463 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B. Buộc bà Y có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền 60.000.000 đồng. Bà B không yêu cầu tính lãi. Bà Y phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Phạm Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Chứng cứ do bà B cung cấp là bản chính “Giấy mượn tiền” ngày 18/9/2023 âm lịch có nội dung thể hiện bà Y vay của bà B số tiền là 60.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Y cũng thừa nhận bà có vay của bà B 60.000.000 đồng và có ký tên vào “Giấy mượn tiền” ngày 18/9/2023 âm lịch nên có căn cứ xác định giao dịch vay tiền giữa bà B với bà Y là có thật. Do đó, bà B yêu cầu bà Y trả số tiền 60.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu tính lại tiền lãi của bị đơn, thấy rằng: Bà B trình bày lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng và bà Y có trả cho bà B được 3.000.000 đồng tiền lãi. Bà Y cho rằng lãi suất thỏa thuận là 8%/tháng và bà Y đã trả cho bà B được 21.600.000 đồng tiền lãi nhưng bà B không thừa nhận. Hai bên đều thống nhất việc giao nhận tiền lãi, hai bên không có lập biên bản giao nhận tiền và nội dung “Giấy mượn tiền” ngày 18/9/2023 âm lịch không thể hiện lãi suất vay.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cung cấp chứng cứ là đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà B, chị T (con bà Y) và con bà B. Bà B thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm là của bà. Xét chứng cứ là cuộc trò chuyện trong đoạn ghi âm giữa chị T (con bà Y) và bà B không có nội dung nào liên quan về khoản nợ 60.000.000 đồng giữa bà B và bà Y, không có nội dung thể hiện bà B thừa nhận có nhận tiền lãi 8%/tháng của bà Y, không có nội dung thể hiện bà Y đã trả lãi 21.600.000 đồng cho bà B. Ngoài ra, bà Y cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh cho lời khai của mình. Do đó, yêu cầu tính lại tiền lãi của bị đơn để khấu trừ vào tiền gốc là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy bà B yêu cầu bà Y trả số tiền 60.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Bà B không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì: bà Y phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà B, án phí là 60.000.000 đồng x 5% = 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B đối với bà Lê Thị Y về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Lê Thị Y có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị B số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Phạm Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị Y không thi hành số tiền trên thì hàng tháng bà Y còn phải trả cho bà B số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Y phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Thúy L